

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**



---

*Tháng 3 năm 2024*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 46

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 – Petrolimex (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Minh Tâm	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên
Ông Trần Công Hữu	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Thành Công	Thành viên
Ông Vũ Duy Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Công Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Viết Hùng	Trưởng Ban
Bà Lưu Thị Việt Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Linh Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Hà Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)

**Kế toán trưởng**

Ông Lê Huy Thành

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Công Hữu**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số: 467/2024/UHY - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, trình bày từ trang 06 đến trang 46 kèm theo gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó tại Báo cáo kiểm toán số 310323.043/BCTC.KT6 vào ngày 31/3/2023.



**Hà Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024*

**Ngô Anh Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>402.987.636.813</b>	<b>226.572.427.503</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>54.415.408.397</b>	<b>3.771.277.574</b>
Tiền	111		54.415.408.397	3.771.277.574
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>9.244.106.600</b>	<b>1.569.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.244.106.600	1.569.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>231.344.032.308</b>	<b>142.966.788.424</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	169.236.254.317	93.836.122.877
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	41.646.475.734	41.276.664.150
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.427.453.435
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	36.917.021.291	22.356.257.019
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.584.600.019)	(16.058.590.042)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		128.880.985	128.880.985
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>103.443.628.816</b>	<b>72.721.536.115</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	103.443.628.816	72.721.536.115
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.540.460.692</b>	<b>5.543.825.390</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	46.047.460	536.579.188
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.470.569.782	4.134.615.542
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	23.843.450	872.630.660
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>498.167.222.980</b>	<b>486.965.855.533</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.412.721.545</b>	<b>21.443.973.909</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	19.363.923.392	21.443.973.909
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.048.798.153	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.794.957.311</b>	<b>27.109.785.897</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	24.111.763.639	27.109.785.897
- Nguyên giá	222		164.243.551.987	177.993.188.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.131.788.348)	(150.883.402.865)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	18.683.193.672	-
- Nguyên giá	225		19.407.749.659	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(724.555.987)	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>266.774.175.969</b>	<b>266.202.917.167</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	266.774.175.969	266.202.917.167
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>167.765.685.836</b>	<b>172.140.449.800</b>
Đầu tư vào công ty con	251		178.839.781.364	178.839.781.364
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.500.000.000	2.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.574.095.528)	(9.199.331.564)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419.682.319</b>	<b>68.728.760</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	419.682.319	68.728.760
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>901.154.859.792</b>	<b>713.538.283.036</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>694.803.348.221</b>	<b>511.800.023.042</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>402.368.236.990</b>	<b>225.257.728.268</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	40.066.359.014	27.222.958.216
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	65.539.492.263	35.500.522.045
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.254.826.628	457.825.807
Phải trả người lao động	314		8.117.304.756	5.069.491.691
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	37.701.012.410	44.701.171.966
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	14.084.775.012	1.506.521.958
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	11.591.981.763	18.707.835.605
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	190.578.317.749	67.890.832.943
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	20.320.063.879	10.557.034.996
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	13.114.103.516	13.643.533.041
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>292.435.111.231</b>	<b>286.542.294.774</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	3.200.000.000	4.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	269.040.976.187	268.502.249.406
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	20.194.135.044	14.040.045.368
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>206.351.511.571</b>	<b>201.738.259.994</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>206.351.511.571</b>	<b>201.738.259.994</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(86.133.791)	(86.133.791)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.948.780.816	1.948.780.816
Quỹ đầu tư phát triển	418		85.843.393.790	84.547.754.673
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.645.470.756	327.858.296
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(3.043.352.883)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.645.470.756	3.371.211.179
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>901.154.859.792</b>	<b>713.538.283.036</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Lê Huy Thành

Tổng Giám đốc

Trần Công Hữu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	406.157.342.234	222.442.572.453
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		406.157.342.234	222.442.572.453
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	359.146.893.565	193.345.364.131
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.010.448.669	29.097.208.322
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.247.502.945	11.319.633.163
Chi phí tài chính	22	VI.4	17.644.039.965	15.281.183.849
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.131.930.891	7.961.549.393
Chi phí bán hàng	25	VI.5	138.363.512	246.567.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.283.245.034	24.573.335.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.192.303.103	315.754.176
Thu nhập khác	31	VI.7	822.914.411	3.736.708.565
Chi phí khác	32	VI.8	370.817.557	37.258.780
Lợi nhuận khác	40		452.096.854	3.699.449.785
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.644.399.957	4.015.203.961
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.331.377.900	643.992.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.313.022.057	3.371.211.179

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Lê Huy Thành

Tổng Giám đốc

Trần Công Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>18.644.399.957</b>	<b>4.015.203.961</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.857.521.286	4.856.350.774
Các khoản dự phòng	03		14.663.802.824	3.601.712.177
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(228.196)	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(15.659.341.398)	(6.291.574.915)
Chi phí lãi vay	06		13.131.930.891	7.961.549.393
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>35.638.085.364</b>	<b>14.143.241.390</b>
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		(89.995.944.711)	22.719.528.017
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(30.722.092.701)	15.738.232.728
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		42.684.916.061	235.930.842.107
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12		139.578.169	(150.507.629)
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.131.930.891)	(7.937.759.119)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(998.121.044)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(55.387.388.709)</b>	<b>279.445.456.450</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.045.844.512)	(266.905.121.159)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.272	314.074.074
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.206.869.000)	(287.598.456)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.531.762.400	1.987.004.626
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.137.940.694	7.485.060.841
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.310.283.146)</b>	<b>(257.406.580.074)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		248.869.467.082	110.542.400.766
Tiền trả nợ gốc vay	34		(113.876.800.422)	(128.121.564.860)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.151.092.178)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.500.000.000)	(1.467.106.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>117.341.574.482</b>	<b>(19.046.270.294)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>50.643.902.627</b>	<b>2.992.606.082</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.771.277.574</b>	<b>778.671.492</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		228.196	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>54.415.408.397</b>	<b>3.771.277.574</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Lê Huy Thành

Tổng Giám đốc

Trần Công Hữu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 – Petrolimex (sau đây được gọi là “Công ty”) là doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/QĐ – TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08/02/2002. Công ty thay đổi mã số doanh nghiệp là 0100108180 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 28/11/2014. Ngày 01/08/2018, Công ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 – Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 17, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 03/08/2020.

Trụ sở chính Công ty hiện đặt tại: Số (550 + 552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 115.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2023 là 115.000.000.000 đồng; tương đương 11.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp; gia công chế tạo cơ khí và kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng;
- Gia công chế tạo sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. Cấu trúc Công ty**

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp
1. Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	Hà Nội	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí	100%
2. Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ống Công nghệ và Kết cấu thép	Hưng Yên	Gia công cơ khí, chế tạo bồn bể	100%
3. Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí	100%
4. Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	Hưng Yên	Sản xuất, kinh doanh bê tông thương phẩm, cọc bê tông dự ứng lực	93,24%
5. Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	Hưng Yên	Sản xuất đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, các sản phẩm từ plastic	100%
6. Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEITIC	Hà Nội	Nhập khẩu, sản xuất lắp đặt hệ thống, thiết bị bãi đỗ xe tự động	51,00%
7. Công ty Cổ phần PCC-1 Homes	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	60,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích tại mỗi Công ty con tương đương với tỷ lệ vốn góp.

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Nghệ An	Quán Bán, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
2. Chi nhánh Hải Phòng	Số 168, đường Hà Nội, phố Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
3. Chi nhánh Hưng Yên	Km số 17, quốc lộ 39, thôn Lôi Cầu, xã Việt Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên
4. Chi nhánh Phía Nam	Số F64, đường số 11, khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
5. Nhà máy chế tạo cơ khí Phía Nam	Kho B, tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 7, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
6. Nhà máy Chế tạo bồn bể và Kết cấu thép PCC1	Km số 17, quốc lộ 39, thôn Lôi Cầu, xã Việt Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2022 là 106 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**2. Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo từng công trình và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở chi phí trực tiếp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 6. Hàng tồn kho (Tiếp)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng là 2 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06
Các tài sản khác	03 – 10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số tháng</b>
Máy móc và thiết bị	50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	50

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Tiếp)**

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Các bên tham gia liên doanh cũng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Theo điều khoản của thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản, BCC phân chia sản phẩm.

**13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**14. Các khoản dự phòng phải trả (Tiếp)**

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

**15. Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông góp vốn được chốt chính thức và được Trung tâm lưu ký chứng khoán chấp thuận.

**17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập (Tiếp)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế;
- doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**18. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

c ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

**19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**22. Báo cáo bộ phận**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực xây lắp, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	338.999.984	105.931.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.076.408.413	3.665.345.578
<b>Cộng</b>	<b>54.415.408.397</b>	<b>3.771.277.574</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.244.106.600	9.244.106.600	-	1.569.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.244.106.600	9.244.106.600	-	1.569.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.244.106.600</b>	<b>9.244.106.600</b>	<b>-</b>	<b>1.569.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp)**

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023				01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	178.839.781.364		(12.524.095.528)	178.839.781.364		(7.974.331.564)
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	41.958.540.511	(*)	-	41.958.540.511	(*)	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC	3.274.200.000	(*)	(962.591.432)	3.274.200.000	(*)	(525.069.122)
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	3.000.000.000	(*)	-	3.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	38.024.599.767	(*)	(5.431.930.640)	38.024.599.767	(*)	(3.558.733.713)
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bê - Ống công nghệ & Kết cấu thép	44.582.441.086	(*)	(6.129.573.456)	44.582.441.086	(*)	(3.890.528.729)
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	45.000.000.000	(*)	-	45.000.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần PCC-1 Homes	3.000.000.000	(*)	-	3.000.000.000	(*)	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.500.000.000</b>		<b>(1.050.000.000)</b>	<b>2.500.000.000</b>		<b>(1.225.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	2.500.000.000	(*)	(1.050.000.000)	2.500.000.000	(*)	(1.225.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>181.339.781.364</b>		<b>(13.574.095.528)</b>	<b>181.339.781.364</b>		<b>(9.199.331.564)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**3. Phải thu của khách hàng****a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	51.743.194.326	-	33.011.612.167	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo Bồn bê - Ống công nghệ và kết cấu thép	17.925.388.589	-	20.961.723.504	-
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	8.379.326.447	-	831.644.911	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	24.763.714.811	-	2.638.340.206	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC	674.764.479	-	1.501.178.040	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	117.493.059.991	14.370.257.124	60.824.510.710	14.006.686.791
- Tổng Công ty Dầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	5.025.174.029	-	10.025.174.029	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	10.727.299.324	-	4.428.474.081	-
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển xây dựng Đức Tâm	13.292.650.835	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Chitcareune	88.447.935.803	14.370.257.124	46.370.862.600	14.006.686.791
- Các đối tượng khác				
<b>Cộng</b>	<b>169.236.254.317</b>	<b>14.370.257.124</b>	<b>93.836.122.877</b>	<b>14.006.686.791</b>

**b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex	19.363.923.392	-	21.443.973.909	-
<b>Cộng</b>	<b>19.363.923.392</b>	<b>-</b>	<b>21.443.973.909</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	3.340.942.132	-	21.258.144.105	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo Bồn bê - Ống công nghệ và kết cấu thép	1.884.288.864	-	1.827.699.651	-
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	-	-	16.112.591.539	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC	1.456.653.268	-	3.190.397.530	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	38.305.533.602	2.214.342.895	127.455.385	2.051.903.251
- Công ty Cổ phần phát triển công nghệ trắc địa Việt Nam	4.120.800.000	-	20.018.520.045	-
- Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ và dịch vụ tự động hóa	3.520.115.975	-	4.120.800.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị đường ống Xinfengda	2.905.626.151	-	3.520.115.975	-
- Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Tuấn Linh	3.533.252.250	-	1.247.516.479	-
- Công ty Cổ phần PME	2.575.605.396	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhóm Việt Dũng	2.273.499.801	-	211.680.001	-
- Các nhà cung cấp khác	19.376.634.029	2.214.342.895	10.918.407.590	2.051.903.251
<b>Cộng</b>	<b>41.646.475.734</b>	<b>2.214.342.895</b>	<b>41.276.664.150</b>	<b>2.051.903.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
 Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. Phải thu khác**

**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	10.627.163.424	-	11.161.151.038	-
- Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex	10.013.925.241	-	10.352.525.241	-
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	613.238.183	-	808.625.797	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.289.857.867	-	11.195.105.981	-
- Tạm ứng thực hiện thi công các công trình	9.252.870.431	-	9.721.535.891	-
- Ký cược kỹ quỹ	4.349.783.980	-	-	-
- Phải trả Công ty Cổ phần PME	2.588.302.888	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.098.900.568	-	1.473.570.090	-
<b>Cộng</b>	<b>36.917.021.291</b>	<b>-</b>	<b>22.356.257.019</b>	<b>-</b>

**b. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.048.798.153	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.048.798.153	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.048.798.153</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**6. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác		17.414.531.674	17.414.531.674	829.931.655		16.116.184.190	12.531.614.907	57.594.148
-	Trên 3 năm	1.000.000.000	1.000.000.000	-	Trên 3 năm	1.000.000.000	1.000.000.000	-
-	Xí nghiệp xây lắp 54 - Công ty CP xây lắp Thành An 96	2.405.649.443	2.405.649.443	-	Trên 3 năm	2.405.649.443	2.405.649.443	-
-	Trường cao đẳng du lịch và thương mại	2.788.454.213	2.788.454.213	-	Trên 3 năm	2.788.454.213	2.788.454.213	-
-	Công ty Cổ phần vận tải biển và BĐS Việt Hải	1.660.644.543	1.660.644.543	-	Trên 3 năm	1.660.644.543	1.660.644.543	-
-	Petrolimex (Laos) SOLE Co., Ltd	2.789.092.560	2.789.092.560	-	Trên 3 năm	2.789.092.560	2.789.092.560	-
-	Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	1.830.180.000	1.830.180.000	-	Trên 3 năm	1.830.180.000	1.830.180.000	-
-	Xí nghiệp xây lắp 33 - Công ty Cổ phần xây lắp Thành An 96	4.940.510.915	4.940.510.915	829.931.655	-	3.642.163.431	57.594.148	57.594.148
-	Các đối tượng khác							
<b>Cộng</b>		<b>17.414.531.674</b>	<b>17.414.531.674</b>	<b>829.931.655</b>		<b>16.116.184.190</b>	<b>12.531.614.907</b>	<b>57.594.148</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	25.604.549.892	-	20.718.926.417	-
- Công cụ, dụng cụ	864.604.292	-	1.115.092.365	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.394.704.141	-	44.267.071.818	-
- Hàng hóa	579.770.491	-	6.620.445.515	-
<b>Cộng</b>	<b>103.443.628.816</b>	-	<b>72.721.536.115</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**8. Chi phí trả trước**

**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.189.016	536.579.188
- Chi phí sửa chữa	39.858.444	-
<b>Cộng</b>	<b>46.047.460</b>	<b>536.579.188</b>

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	308.061.641	68.728.760
- Các khoản khác	111.620.678	-
<b>Cộng</b>	<b>419.682.319</b>	<b>68.728.760</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, Thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2023	39.559.075.555	58.059.588.699	78.857.891.220	1.120.389.690	396.243.598	177.993.188.762
- Mua trong năm	-	6.530.750.623	418.298.364	-	-	6.949.048.987
- Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	557.101.918	-	-	-	-	557.101.918
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.395.728.716)	(9.523.348.964)	-	-	(20.919.077.680)
- Giám khác	-	(336.710.000)	-	-	-	(336.710.000)
- Phân loại lại	(14.872.427)	221.359	(63.069.841)	1.584.545	76.136.364	-
31/12/2023	40.101.305.046	52.858.121.965	69.689.770.779	1.121.974.235	472.379.962	164.243.551.987
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2023	(20.735.416.348)	(49.773.462.009)	(78.857.891.220)	(1.120.389.690)	(396.243.598)	(150.883.402.865)
- Khấu hao trong năm	(1.228.354.269)	(1.890.230.719)	(982.179.098)	(32.201.213)	-	(4.132.965.299)
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.361.230.852	9.523.348.964	-	-	14.884.579.816
- Phân loại lại	(702.622.182)	(602.286.332)	1.328.948.817	52.096.061	(76.136.364)	-
31/12/2023	(22.666.392.799)	(46.904.748.208)	(68.987.772.537)	(1.100.494.842)	(472.379.962)	(140.131.788.348)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2023	18.823.659.207	8.286.126.690	-	-	-	27.109.785.897
31/12/2023	17.434.912.247	5.953.373.757	701.998.242	21.479.393	-	24.111.763.639

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 114.475.292.942 đồng (Tại 01/01/2023 là: 127.704.625.968 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện, vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2023	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	14.415.333.292	4.992.416.367	19.407.749.659
31/12/2023	<u>14.415.333.292</u>	<u>4.992.416.367</u>	<u>19.407.749.659</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2023	-	-	-
- Khấu hao trong năm	(538.172.443)	(186.383.544)	(724.555.987)
31/12/2023	<u>(538.172.443)</u>	<u>(186.383.544)</u>	<u>(724.555.987)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2023	-	-	-
31/12/2023	<u>13.877.160.849</u>	<u>4.806.032.823</u>	<u>18.683.193.672</u>

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có giá trị là 120.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
- Dự án Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm (*)	263.936.155.155	1.040.313.142	-	264.976.468.297
+ Tiền sử dụng đất, thuê đất	211.222.055.566	317.197.528	-	211.539.253.094
+ Chi phí thi công	50.121.873.986	321.388.889	-	50.443.262.875
+ Các chi phí khác	2.592.225.603	401.726.725	-	2.993.952.328
- Các công trình sửa chữa xây dựng khác	2.266.762.012	88.047.578	557.101.918	1.797.707.672
<b>Cộng</b>	<b>266.202.917.167</b>	<b>1.128.360.720</b>	<b>557.101.918</b>	<b>266.774.175.969</b>

(\*) Dự án Xây dựng Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội do Công ty làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 541 tỷ đồng. Tổng diện tích thực hiện dự án là 32.494 m<sup>2</sup>.

- Tiến độ thực hiện dự án:
- + Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, đất đai...): Từ quý III/2021 đến quý IV/2021.
- + Giai đoạn thực hiện đầu tư: Từ quý I/2022 đến quý II/2024
- + Giai đoạn kết thúc đầu tư và đưa vào sử dụng: Từ quý II/2024
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
- Đến ngày 31/12/2023, dự án đã hoàn thành cơ bản các hạng mục hạ tầng như hệ thống đường, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cảnh quan, cây xanh, ...



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo bồn bê - ống công nghệ & kết cấu thép	2.107.457.497	2.107.457.497	1.336.431.212	1.336.431.212
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	-	-	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH MTV gỗ nhựa PCC-1	30.419.402.237	30.419.402.237	25.586.527.004	25.586.527.004
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>				
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	3.438.335.123	3.438.335.123	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí	1.600.043.060	1.600.043.060	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và cơ khí Sơn Huy	1.711.127.389	1.711.127.389	-	-
- Công ty TNHH WEC ENGINEERS & CONSTRUCTORS Việt Nam	1.630.984.479	1.630.984.479	1.630.984.479	1.630.984.479
- Công ty TNHH Bluescope Buildings Việt Nam	1.481.837.200	1.481.837.200	1.481.837.200	1.481.837.200
- Các đối tượng khác	20.557.074.986	20.557.074.986	22.473.705.325	22.473.705.325
<b>Cộng</b>	<b>40.066.359.014</b>	<b>40.066.359.014</b>	<b>27.222.958.216</b>	<b>27.222.958.216</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	65.539.492.263	65.539.492.263	35.500.522.045	35.500.522.045
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Quốc Tế	11.594.404.239	11.594.404.239	15.419.000.000	15.419.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng ACE Thái Bình Dương	2.396.312.434	2.396.312.434	2.396.312.434	2.396.312.434
- Công ty TNHH MTV xăng dầu Hải Dương	2.964.000.000	2.964.000.000	-	-
- OJSC "Power machines"	3.200.468.213	3.200.468.213	3.200.468.213	3.200.468.213
- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ xăng dầu Thanh Hà	2.600.171.000	2.600.171.000	2.600.171.000	2.600.171.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản TASECO	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
- Quân Chung Hải Quân	12.280.830.000	12.280.830.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	23.817.839.793	23.817.839.793	-	-
- Các đối tượng khác	6.685.466.584	6.685.466.584	8.284.570.398	8.284.570.398
<b>Cộng</b>	<b>65.539.492.263</b>	<b>65.539.492.263</b>	<b>35.500.522.045</b>	<b>35.500.522.045</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	289.356.797	7.012.153	2.094.945.626	2.095.995.697	305.138.023	23.843.450
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.887.231	74.628.630	47.386.899	16.354.500	-
Thuế TNĐN	-	854.731.276	1.331.377.900	-	476.646.624	-
Thuế thu nhập cá nhân	168.469.010	-	1.364.992.424	1.076.773.953	456.687.481	-
<b>Cộng</b>	<b>457.825.807</b>	<b>872.630.660</b>	<b>4.865.944.580</b>	<b>3.220.156.549</b>	<b>1.254.826.628</b>	<b>23.843.450</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	13.856.164	399.281.163
- Trích trước chi phí công trình	37.687.156.246	44.301.890.803
<b>Cộng</b>	<b>37.701.012.410</b>	<b>44.701.171.966</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

**a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - cho thuê cửa hàng xăng dầu	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam thuê văn phòng	713.918.326	706.521.958
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - doanh thu thuê tài chính	12.570.856.686	-
<b>Cộng</b>	<b>14.084.775.012</b>	<b>1.506.521.958</b>

**b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - cho thuê cửa hàng xăng dầu	3.200.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

**18. Phải trả khác**

**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	7.013.402.646	6.753.125.051
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	475.883.955	11.705.102.660
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.102.695.162	249.607.894
<b>Cộng</b>	<b>11.591.981.763</b>	<b>18.707.835.605</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**18. Phải trả khác (tiếp)**

**b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitec - Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)	269.040.976.187	268.502.249.406
<b>Cộng</b>	<u><u>269.040.976.187</u></u>	<u><u>268.502.249.406</u></u>

(\*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn VITEC góp vốn liên quan tới Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn VITEC (sau đây gọi tắt là "VITEC") về việc đầu tư thực hiện Dự án "Xây dựng khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (Thuyết minh 12).

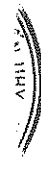
Theo hợp đồng này, Công ty là chủ đầu tư thực hiện Dự án, VITEC góp vốn với Công ty để đầu tư xây dựng và khai thác, kinh doanh Dự án. Lợi nhuận được phân chia cố định cho Công ty theo sản phẩm hình thành của Dự án.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>19. Vay và nợ thuê tài chính</b>						
<i>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>182.378.150.821</b>	<b>182.378.150.821</b>	<b>228.363.968.039</b>	<b>106.681.744.211</b>	<b>60.695.926.993</b>	<b>60.695.926.993</b>
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	5.278.681.220	5.278.681.220	5.278.681.220	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Lý Nam Đế (2)	48.271.393.473	48.271.393.473	52.764.879.600	4.493.486.127	-	-
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển - Chi nhánh Thăng Long (3)	128.828.076.128	128.828.076.128	170.320.407.219	102.188.258.084	60.695.926.993	60.695.926.993
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.411.908.000</b>	<b>4.411.908.000</b>	<b>4.412.058.261</b>	<b>7.195.056.211</b>	<b>7.194.905.950</b>	<b>7.194.905.950</b>
- Ông Đặng Thanh Hải (4)	1.000.000.000	1.000.000.000	999.999.996	999.999.996	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển - Chi nhánh Thăng Long (5)	3.411.908.000	3.411.908.000	3.412.058.265	6.195.056.215	6.194.905.950	6.194.905.950
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>3.788.258.928</b>	<b>3.788.258.928</b>	<b>9.939.351.106</b>	<b>6.151.092.178</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (6)	3.788.258.928	3.788.258.928	9.939.351.106	6.151.092.178	-	-
<b>Cộng</b>	<b>190.578.317.749</b>	<b>190.578.317.749</b>	<b>242.715.377.406</b>	<b>120.027.892.600</b>	<b>67.890.832.943</b>	<b>67.890.832.943</b>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**  
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**19. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp)**

**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>9.627.987.107</b>	<b>9.627.987.107</b>	-	<b>4.412.058.261</b>	<b>14.040.045.368</b>	<b>14.040.045.368</b>
- Ông Đặng Thanh Hải (4)	2.500.000.004	2.500.000.004	-	999.999.996	3.500.000.000	3.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển - Chi nhánh Thăng Long (5)	7.127.987.103	7.127.987.103	-	3.412.058.265	10.540.045.368	10.540.045.368
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>10.566.147.937</b>	<b>10.566.147.937</b>	<b>14.354.406.865</b>	<b>3.788.258.928</b>	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (6)	10.566.147.937	10.566.147.937	14.354.406.865	3.788.258.928	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.194.135.044</b>	<b>20.194.135.044</b>	<b>14.354.406.865</b>	<b>8.200.317.189</b>	<b>14.040.045.368</b>	<b>14.040.045.368</b>

(1) Hợp đồng vay 28/23/CTD/VCD/PCC1 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ký ngày 22/06/2023, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được xác định tại từng thời điểm giải ngân vốn theo thông báo lãi suất. Hình thức đảm bảo vay tín chấp.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 172012.23.052.1981005.TD ngày 08/11/2023 tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên Phủ, hạn mức 65 tỷ đồng, thời hạn 1 năm, áp dụng lãi suất vay có điều chỉnh theo từng lần vay. Tài sản đảm bảo là hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ theo hợp đồng thế chấp số 172017.23.052.1981005.BD ngày 29/11/2023 và các phụ lục kèm theo. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ thi công gói thầu XL-09: Xây dựng công trình kho xăng dầu và thiết bị kho xăng dầu thuộc dự án kho xăng dầu Vùng 4/QCHQ.

(3) Hợp đồng vay 107.0590/2022/HĐTDHM-DN/PGBankTL với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển - Chi nhánh Thăng Long, thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng kỳ ước nhận nợ. Hình thức đảm bảo vay tín chấp.

(4) Hợp đồng vay cá nhân ngày 12/06/2022 và các Phụ lục hợp đồng với ông Đặng Thanh Hải, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 8,5%/năm, hình thức vay tín chấp. Vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(5) Hợp đồng 107.0274/2019/HĐTD-PN-PGB-TL ngày 25/03/2019 với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng kỳ ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là lợi thế quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)**

Hợp đồng 107.0525/2021/HĐTD-PN-PGB-TL ngày 01/09/2021 với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất theo từng kỳ wóc nhận nợ. Tài sản đảm bảo là lợi thế quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

(6) Hợp đồng bán và thuê tài chính số C230816014-PC với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, thời hạn vay 50 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần, lãi suất cho vay được xác định 8,5%/năm, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

**20. Dự phòng phải trả**

	01/01/2023	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.557.034.996	19.471.999.942	65.407.695	9.643.563.364	20.320.063.879
<b>Cộng</b>	<b>10.557.034.996</b>	<b>19.471.999.942</b>	<b>65.407.695</b>	<b>9.643.563.364</b>	<b>20.320.063.879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2023	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	6.715.426.357	474.885.240	-	1.153.900.005	-	6.036.411.592
Quỹ phúc lợi	6.251.807.436	474.885.240	-	575.300.000	-	6.151.392.676
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	676.299.248	250.000.000	-	-	-	926.299.248
<b>Cộng</b>	<b>13.643.533.041</b>	<b>1.199.770.480</b>	<b>-</b>	<b>1.729.200.005</b>	<b>-</b>	<b>13.114.103.516</b>

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	84.547.754.673	8.456.647.117	209.867.048.815
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.371.211.179	3.371.211.179
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)
31/12/2022	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	84.547.754.673	327.858.296	201.738.259.994
01/01/2023	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	84.547.754.673	327.858.296	201.738.259.994
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	17.309.172.777	17.309.172.777
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	1.295.639.117	(13.995.409.597)	(12.699.770.480)
31/12/2023	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	85.843.393.790	3.641.621.476	206.347.662.291

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/XL.I-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**22. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	34.502.020.000	30%	34.502.020.000	30%
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	11.500.660.000	10%	11.500.660.000	10%
- Ông Phạm Minh Tâm	12.000.000.000	10%	12.000.000.000	10%
- Các cổ đông khác	56.997.320.000	50%	56.997.320.000	50%
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.995.409.597	11.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e. Phân phối lợi nhuận**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	327.858.296	8.456.647.117
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	17.313.022.057	3.371.211.179
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.295.639.117	-
Trích Quỹ Phúc lợi	474.885.240	-
Trích Quỹ Khen thưởng	474.885.240	-
Trích Quỹ Thưởng Ban quản lý, điều hành	250.000.000	-
Chi trả cổ tức	11.500.000.000	11.500.000.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	3.645.470.756	327.858.296

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a. Tài sản thuê ngoài**

Vị trí	Diện tích	Mục đích thuê	Thời hạn thuê	Tiền thuê
Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	3.066 m <sup>2</sup>	Xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ	50 năm từ ngày 09/02/2009	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm
Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	17.144 m <sup>2</sup>	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	50 năm từ ngày 01/01/2004	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm
Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	560 m <sup>2</sup>	Làm văn phòng	50 năm từ ngày 01/01/1996	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**b. Ngoại tệ các loại**

**Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Đô la Mỹ	160,49	186,89
Đồng tiền chung Châu Âu	100,56	100,56

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a. Tổng doanh thu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>406.157.342.234</b>	<b>222.442.572.453</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	23.454.571.790	17.280.968.427
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.844.692.092	14.805.720.279
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	362.858.078.352	190.355.883.747
<b>Cộng</b>	<b>406.157.342.234</b>	<b>222.442.572.453</b>

**b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Công ty TNHH Bê tông &amp; Xây lắp - Petrolimex</b>	<b>17.183.446.278</b>	<b>7.767.704.548</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	7.969.891	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.970.905.167	7.767.704.548
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.204.571.220	-
<b>Công ty Cổ phần bãi đỗ xe tự động PCC-1 NisseiTic</b>	<b>984.385.893</b>	<b>102.839.432</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	770.670.393	8.146.250
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.715.500	94.693.182
<b>Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn</b>	<b>678.007.077</b>	<b>291.968.006</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	487.142.077	182.202.097
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	190.865.000	109.765.909
<b>Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội</b>	<b>58.357.842.398</b>	<b>25.193.292.892</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	6.413.955.562	4.922.355.920
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.787.958.000	1.065.605.545
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	48.155.928.836	19.205.331.427
<b>Công ty TNHH MTV GỖ nhựa PCC-1</b>	<b>12.877.928.767</b>	-
- Doanh thu bán hàng hóa	3.339.084.000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.767.354.000	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.771.490.767	-
<b>Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo bồn bê - ống công nghệ &amp; kết cấu thép</b>	<b>883.289.215</b>	<b>2.933.065.125</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	883.289.215	2.843.065.125
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>90.964.899.628</b>	<b>36.288.870.003</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.041.365.765	16.175.832.255
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.196.405.143	6.060.222.615
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	326.909.122.657	171.109.309.261
<b>Cộng</b>	<b>359.146.893.565</b>	<b>193.345.364.131</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	201.171.534	292.540.841
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.046.103.215	5.634.960.000
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	848.000.000
- Lãi chậm trả	-	4.544.132.322
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	228.196	-
<b>Cộng</b>	<b>15.247.502.945</b>	<b>11.319.633.163</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	13.131.930.891	7.961.549.393
- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.374.763.964	6.982.119.933
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	337.514.523
- Lãi chậm trả cổ tức	137.345.110	-
<b>Cộng</b>	<b>17.644.039.965</b>	<b>15.281.183.849</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân công	118.750.000	216.016.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.888.712	25.860.903
- Chi phí bằng tiền khác	2.724.800	4.690.671
<b>Cộng</b>	<b>138.363.512</b>	<b>246.567.574</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.042.013.588	1.190.966.011
- Chi phí nhân công	17.445.175.178	14.926.160.599
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	360.434.288	535.707.722
- Chi phí khấu hao TSCĐ	989.391.534	1.220.362.243
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	526.009.977	(15.166.317)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.401.822	1.054.372.156
- Chi phí bằng tiền khác	4.032.818.647	5.660.933.472
<b>Cộng</b>	<b>26.283.245.034</b>	<b>24.573.335.886</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (*)	272.727.272	364.074.074
- Tiền phạt, tiền bồi thường	183.752.486	14.150.000
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	3.343.412.639
- Thu nhập khác	366.434.653	15.071.852
<b>Cộng</b>	<b>822.914.411</b>	<b>3.736.708.565</b>

(\*) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý.

**8. Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Phạt do vi phạm hợp đồng	237.530.697	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	73.093.403	20.419.757
- Chi phí khác	60.193.457	16.839.023
<b>Cộng</b>	<b>370.817.557</b>	<b>37.258.780</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18.644.399.957</b>	<b>4.015.203.961</b>
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>3.058.592.756</b>	<b>4.839.719.948</b>
- Khấu hao xe ô tô vượt 1,6 tỷ	750.586.667	750.586.667
- Các khoản chi phí phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	77.087.143	37.258.780
- Chi phí lãi vay không chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.711.011.466	3.816.674.501
- Tiền lương và phụ cấp HDQT	260.400.000	235.200.000
- Chi phí không hợp lệ	259.507.480	-
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>15.046.103.215</b>	<b>5.634.960.000</b>
- Cổ tức được chia từ Công ty khác	15.046.103.215	5.634.960.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>6.656.889.498</b>	<b>3.219.963.909</b>
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.331.377.900</b>	<b>643.992.782</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.331.377.900</b>	<b>643.992.782</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	250.077.912.948	58.998.906.639
- Chi phí nhân công	31.444.412.477	29.588.890.726
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	360.434.288	-
- Khấu hao tài sản cố định	4.857.521.286	4.856.350.774
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dự phòng	526.009.977	(15.166.317)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.247.029.438	77.774.325.840
- Chi phí bằng tiền khác	4.032.818.647	7.347.809.973
<b>Cộng</b>	<b>388.549.139.061</b>	<b>178.551.117.635</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</b>	<b>5.377.151.249</b>	<b>4.333.459.495</b>
- Thu nhập và thù lao của Ban Tổng Giám đốc	3.363.014.844	3.022.824.533
Ông Phạm Minh Tâm      Chủ tịch HĐQT	932.018.729	942.889.414
Ông Trần Công Hữu      Tổng Giám đốc	615.715.703	559.546.724
Ông Vũ Duy Hải      Phó Tổng Giám đốc	502.392.606	413.942.978
Bà Phạm Thị Kim Chi      Phó Tổng Giám đốc	477.296.036	516.554.037
Ông Phạm Thành Công      Phó Tổng Giám đốc	452.745.153	384.367.840
Ông Lê Huy Thành      Kế toán trưởng	382.846.617	205.523.540
- Thu nhập và thù lao của các thành viên HĐQT	1.360.800.000	666.400.000
Ông Phạm Minh Tâm      Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Trần Công Hữu      Thành viên HĐQT	226.800.000	117.600.000
Ông Phạm Thành Công      Thành viên HĐQT	226.800.000	117.600.000
Bà Nguyễn Thị Hương Gian      Thành viên HĐQT	226.800.000	78.400.000
Ông Trương Hùng Sơn      Thành viên HĐQT	226.800.000	117.600.000
Ông Lê Quốc Bình      Thành viên HĐQT	226.800.000	117.600.000
Ông Vũ Duy Hải      Thành viên HĐQT	226.800.000	117.600.000
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát	653.336.405	644.234.962
Ông Đinh Việt Tiến      Trưởng ban kiểm soát	166.578.322	207.095.000
Bà Lưu Thị Hương Giang      Thành viên BKS	177.413.686	224.391.366
Ông Nguyễn Hà Nam      Thành viên BKS	309.344.397	-
Bà Nguyễn Linh Chung      Bổ nhiệm 27/04/2023	-	212.748.596
Miễn nhiệm 27/04/2023	-	-

Tại ngày 31/12/2023 Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu từ các bên liên quan</b>	<b>90.964.899.628</b>	<b>36.288.870.003</b>
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp - Petrolimex	17.183.446.278	7.767.704.548
- Công ty Cổ phần bãi đỗ xe tự động PCC-1 NisseiTic	984.385.893	102.839.432
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	678.007.077	291.968.006
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	58.357.842.398	25.193.292.892
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	12.877.928.767	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo bồn bê - ống công	883.289.215	2.933.065.125
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>73.897.212.995</b>	<b>2.079.722.374</b>
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp - Petrolimex	10.700.775.076	2.079.722.374
- Công ty Cổ phần bãi đỗ xe tự động PCC-1 NisseiTic	4.745.218.701	10.712.274.453
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	19.353.102.470	14.900.640.124
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	6.347.783.970	6.869.984.963
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	2.697.797.737	1.428.872.250
- Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo bồn bê - ống công	30.052.535.041	2.003.954.026
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận về</b>	<b>10.256.400.000</b>	<b>5.634.960.000</b>
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp - Petrolimex	10.256.400.000	5.034.960.000
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	3.645.898.095	-
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	1.143.805.120	600.000.000

**c. Số dư với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Lê Huy Thành

Tổng Giám đốc

Trần Công Hữu